

NGÂN HÀNG NHÀ  
NƯỚC  
Số: 987/2004/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2004

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Quy chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Ngân hàng Nhà nước

#### THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 100/1998/NĐ-CP ngày 10/12/1998 của Chính phủ quy định chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/1/2002 của Chính phủ ban hành chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Ngân hàng Nhà nước. Đối tượng áp dụng Quy chế bao gồm: Thời báo ngân hàng, Tạp chí ngân hàng và Trung tâm thông tin tín dụng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2005. Các quy định trước đây trái với Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp có thu chịu trách nhiệm thi hành quyết

định này.

## QUY CHẾ

### Tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Ngân hàng Nhà nước

(Ban hành theo Quyết định số 987/2004/QĐ-NHNN ngày 05/8/2004)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Các đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là các đơn vị) thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp phục vụ hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng theo quy chế hoạt động của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngoài nhiệm vụ sự nghiệp, các đơn vị được thực hiện các hoạt động cung ứng dịch vụ nhưng không làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ sự nghiệp được giao và phải tuân thủ theo đúng pháp luật của Nhà nước.

**Điều 2.** Các đơn vị có bảng cân đối tài khoản, được sử dụng một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước để phản ánh các mặt hoạt động của đơn vị, thực hiện theo chế độ kế toán, tài chính Ngân hàng Nhà nước. Các đơn vị được Ngân hàng Nhà nước giao quản lý một số tài sản và kinh phí cần thiết để hoạt động, có trách nhiệm sử dụng tài sản và kinh phí hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích.

**Điều 3.** Các đơn vị được chủ động sắp xếp tổ chức và biên chế được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, thực hiện ký kết các loại hợp đồng lao động trên cơ sở yêu cầu công việc và khả năng tài chính của đơn vị mình.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### I. Nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu

**Điều 4.** Nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu gồm:

1. Nguồn kinh phí do Ngân hàng Nhà nước cấp:

a. Vốn mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp thực hiện theo kế hoạch hàng năm do Thống đốc phê duyệt. Việc mua sắm tài sản cố định hay sửa chữa lớn

tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước.

b. Kinh phí để bổ sung chi hoạt động của đơn vị trên cơ sở khoán số chênh lệch giữa các khoản thu và các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Quy chế này. Phần kinh phí này được cấp ổn định trong 3 năm, trường hợp khi đơn vị có biến động trong hoạt động hoặc có thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước thì hàng năm có thể được tăng hoặc giảm theo một tỷ lệ nhất định. Tỷ lệ này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trên cơ sở chế độ và kế hoạch thu chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước hàng năm.

c. Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

## 2. Nguồn thu của đơn vị:

a. Thu về từ hoạt động sự nghiệp: Trên cơ sở nhiệm vụ sự nghiệp được giao, các đơn vị quy định cụ thể, chi tiết từng khoản thu trong Quy chế tài chính của đơn vị mình.

b. Các nguồn thu hợp pháp khác: Thu về thanh lý công cụ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng sau khi đã trừ chi phí thanh lý (nếu có), thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu thừa quỹ, quà tặng, biếu (nếu có)...

c. Thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ khác. Mức thu cho các hoạt động này do thủ trưởng đơn vị quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

## II. Nội dung chi của đơn vị sự nghiệp có thu:

### Điều 5. Nội dung chi của các đơn vị gồm:

#### 1. Các khoản chi không thường xuyên:

a. Chi đầu tư phát triển: Là khoản chi mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của đơn vị. Đây là khoản chi không thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị. Hàng năm, các đơn vị lập kế hoạch về nhu cầu mua sắm tài sản cố định trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định.

b. Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

a. Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn: Là các khoản chi trực tiếp để phục vụ hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị quy định chi tiết nội dung các khoản chi này trên cơ sở yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị được Thống đốc giao.

b. Chi cho người lao động, gồm: Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, chi ăn trưa, chi trang phục giao dịch và bảo hộ lao động, chi phụ cấp độc hại, các khoản chi đóng góp theo lương, chi công tác xã hội, chi hỗ trợ hoạt động của các đoàn thể, chi trợ cấp khó khăn, thôi việc theo chế độ.

c. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: Là các khoản chi cho công tác quản lý hành chính và công vụ phát sinh thường xuyên phục vụ hoạt động của đơn vị. Khoản chi này được tính theo định mức chi quản lý và công vụ được Thống đốc phê duyệt trên cơ sở số lao động định biên của đơn vị.

Nội dung chi hoạt động quản lý và công vụ gồm: Chi vật liệu và giấy tờ in, chi bưu phí, điện thoại, chi về điện, nước, vệ sinh cơ quan, chi công tác phí, chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, chi phí cho thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền quảng cáo, chi hội nghị, tập huấn ngắn ngày, chi lễ tân, khánh tiết và các khoản chi hoạt động quản lý và công vụ khác.

d. Chi về tài sản: Gồm: Trích khấu hao tài sản cố định, chi Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản cố định, công cụ lao động, chi mua sắm công cụ lao động, chi thuê tài sản. Việc thuê tài sản của các đơn vị phải được sự chấp thuận của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

e. Các khoản chi khác (ngoài các nội dung chi nói trên).

3. Chi hoạt động cung ứng dịch vụ:

Là các khoản chi phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ ngoài nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị. Các khoản chi này dựa trên cơ sở chứng từ hợp pháp, hợp lệ và tuân thủ nguyên tắc thu cung ứng dịch vụ phải bù đắp được chi cung ứng dịch vụ và có tích lũy.